TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 57/2018/HNGĐ-ST Ngày 01-10-2018 V/v không công nhận quan hệ vợ chồng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Duy Việt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Vĩnh

Bà Bùi Thu Lan

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Vũ Thị Trang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa*:** Ông Phan Xuân Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở toà án nhân dân huyện A tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018, về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1287/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị N; trú tại: Thôn K, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn N'; trú tại: Thôn K, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 5 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện A chị Nguyễn Thị N trình bày:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Lê Văn N' xây dựng hạnh phúc với nhau vào 2004, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi được gia đình tổ chức lễ cưới vợ chồng chung sống tại thôn K, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N' chơi bời, cờ bạc, không quan tâm đến gia đình vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hòa giải, khuyên nhủ, nhưng không có kết quả. Nay chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ, nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện A giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Lê Văn N'.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Văn N' có 02 con chung là Lê Đức V, sinh ngày 05 tháng 10 năm 1991; Lê Đức T, sinh ngày 24 tháng 4 năm 1998. Hiện nay hai con đã trưởng thành, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Chị N trình bày chị và anh N' tự thỏa thuận, không yêu cầu toà án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn N' trình bày thống nhất với chị N về việc vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1990, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai người không hợp nhau, không có quan điểm chung, sống với nhau không có hạnh phúc. Nay chị N có đơn giải quyết ly hôn anh N' đồng ý ly hôn; về con chung thống nhất với chị N về việc vợ chồng có 02 con chung như chị N trình bày về họ, tên tuổi, nay các con đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung; về tài sản công nợ anh N' và chị N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện về việc không công nhận quan hệ vợ chồng, anh Lê Văn N' là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đã cơ bản thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề nghị giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Lê Văn N', chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc không công nhận quan hệ vợ chồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn anh Lê Văn N': Anh Lê Văn N' vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 01 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ điểm khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Văn N'.

- Về yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N xây dựng hạnh phúc với anh Lê Văn N' năm 1990, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống chị N, anh N' đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách hai người không hợp nhau, không thông cảm chia sẻ với nhau, hai người thường xuyên cãi nhau. Theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC, ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cáo, Viện kiểm sát nhân dân tối cao về hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân gia đình có nội dung quy định: *" Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ"*; khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"*. Nên đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng của chị N đối với anh N' được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị N và anh Lê Văn N' có 02 con chung là Lê Đức V, sinh ngày 05 tháng 10 năm 1991; Lê Đức T, sinh ngày 24 tháng 4 năm 1998. Hiện đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu về vấn đề nuôi, nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào quy định tại Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Lê Văn N';

2- Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0016876 ngày 25 tháng 5 năm 2018, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, chị N đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Lê Văn N' có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKS ND huyện A;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện A;
- UBND xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Duy Việt